

Bản án số: 35/ 2024/ DS-ST
Ngày: 16.7.2024
V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh,
Ông Nguyễn Hữu Tường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Xóm D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An, Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Xóm G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, Vắng mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Trần Thị L, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Xóm G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày: Ông và ông Trần Minh Đ là hàng xóm quen biết với nhau nên ngày 05/11/2022 Âm lịch tức ngày 28/11/2022 dương lịch ông đã cho ông Đ vay số tiền là: 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng). Hẹn đến ngày 05/02/2023 Âm lịch tức ngày 24/2/2023 dương

lich trả. Nhưng khi đến hạn trả nợ ông trực tiếp thông báo cho ông Đ rất nhiều lần nhưng ông Đ không chịu trả. Việc không trả nợ đúng hạn của ông Đ đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Minh Đ phải trả nợ số tiền gốc là 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu) và lãi suất 0,83%/ tháng (theo qui định tại khoản 2 điều 357 BLDS) tạm tính từ ngày 28/11/2022 đến 05/7/2023 là 60.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính là 1.110.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T cam kết số tiền cho vay nêu trên là tiền riêng của ông, do ông tích góp được chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng ông.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Minh Đ và bà Trần Thị Lương v của ông Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Ông Đ, bà L cũng đều không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với bà Hoàng Thị X là vợ của ông Nguyễn Văn T (Nguyên đơn) có ý kiến trình bày: Bà thừa nhận và khẳng định sự việc đúng như ông T khởi kiện tuy nhiên theo bà số tiền ông T khởi kiện là tiền riêng của ông T không liên quan đến tiền chung của vợ chồng bà nên do ông T toàn quyền quyết định.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Minh Đ phải trả nợ số tiền gốc là 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu) và lãi suất 0,83%/ tháng (theo qui định tại khoản 2 điều 357 BLDS) tạm tính từ ngày 28/11/2022 đến 05/7/2023 là 60.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính là 1.110.000.000 đồng và tính lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tuy nhiên tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện là không yêu cầu trả toàn bộ khoản tiền lãi suất của số tiền nợ gốc theo yêu cầu khởi kiện ban đầu cho đến khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, buộc ông Trần Minh Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu).

Về nội dung xin rút yêu cầu trả lãi suất cho của khoản vay đương sự đã tự nguyện rút nên đề nghị hội đồng áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ việc giải quyết một phần nội dung khởi kiện này. Về án phí bị đơn phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo qui định.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đang cư trú tại huyện Y, tỉnh Nghệ An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Minh Đ và bà Trần Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông, bà vẫn vắng mặt, cố tình trốn tránh, dấu địa chỉ trong suốt quá trình tố tụng và phiên tòa. Ông Đ và bà L cũng không có bản tự khai hay ý kiến gì gửi cho Tòa án và cũng không có văn bản ủy quyền cho người khác đại diện cho mình tham gia giải quyết tranh chấp. Việc vắng mặt của ông Trần Minh Đ và bà Trần Thị L đều không có lý do từ hai lần trở lên nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn và vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

- Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không có yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào ngày 05/11/2022 âm lịch tức ngày 28/11/2022 dương lịch và hẹn đến ngày 05/02/2023 âm lịch tức ngày 24/2/2023 dương lịch trả nên các giao dịch này thuộc trường hợp áp dụng các qui định tại Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản qui phạm pháp luật liên quan để giải quyết. Xét việc vay nợ, cho vay nợ và đòi nợ của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thấy: Giấy cho vay tiền đối với khoản nợ nêu trên là do nguyên đơn và bị đơn tự nguyện xác lập nên có nội dung và hình thức phù hợp qui định của bộ luật dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị L là vợ của bị đơn ông Trần Minh Đ vắng mặt không có ý kiến gì, hơn nữa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều khẳng định số tiền cho vay là tiền riêng và cho một mình ông Trần Minh Đ vay nên chỉ yêu cầu một mình ông Đ có nghĩa vụ trả nợ. Đối với bà Hoàng Thị X là vợ của ông Nguyễn Văn T (Nguyên đơn) khẳng định số tiền ông cho T cho ông Đ vay là tiền riêng của ông T không liên quan đến tiền chung của vợ chồng bà nên do ông T toàn quyền quyết định. Vì vậy, căn cứ điều 43 và khoản 3 điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình xác định số tiền mà nguyên đơn cho vay là tiền riêng của nguyên đơn và khoản nợ trên do ông Trần Minh Đ là bị đơn xác nhận dưới mục chủ vay ký tên trong giấy vay tiền là nợ riêng của bị đơn.

Do quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được tổng đạt các văn bản tố tụng họp lệ nhưng vẫn không

hợp tác, không có bất kỳ ý kiến gì gửi cho Tòa án. Vì vậy, nguyên đơn đã yêu cầu giám định giấy vay nợ để giải quyết tranh chấp theo qui định của pháp luật. Cụ thể: Theo yêu cầu của Nguyên đơn, Tòa án quyết định trưng cầu giám định Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Minh Đ dưới mục “Chủ vay ký tên” (mẫu cần giám định) trong giấy cho vay tiền của ông Nguyễn Văn T đề ngày 05/11/2022 Âm lịch (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Trần Minh Đ trên mẫu so sánh là tài liệu mẫu so sánh gồm: (1). Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã chứng thực đề ngày 06/10/2021 (Bản gốc); (2). Hợp đồng chuyển nhượng/tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã chứng thực đề ngày 09/3/2022 (Bản gốc); (3). Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đề ngày 24/3/2021 gồm 03 trang là bản gốc và (4). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đề ngày 24/3/2021 gồm 08 trang hợp đồng và 02 trang lời của công chứng đề cùng ngày 24/3/2021 (Bản gốc). Các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) có phải do cùng một người ký, viết ra không?

Tại bản kết luận giám định số 149/KL-KTHS ngày 11/4/2024 của V - Bộ C kết luận: “5.1. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Trần Minh Đ dưới mục “Chủ vay ký tên” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Trần Minh Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 có phải do cùng một người ký ra hay không. 5.2. Các chữ viết “Trần mih Đức” dưới mục “Chủ vay ký tên” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Trần Minh Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết ra.”

Theo kết luận trên thì chữ ký đứng tên Trần Minh Đ dưới mục “Chủ vay ký tên” trên mẫu cần giám định là giấy cho vay tiền của ông Nguyễn Văn T đề ngày 05/11/2022 âm lịch là không đủ cơ sở kết luận do bị đơn ký ra nhưng bản kết luận giám định cũng khẳng định các chữ viết “Trần mih Đức” dưới mục “Chủ vay ký tên” trên mẫu cần giám định là giấy cho vay tiền của ông Nguyễn Văn T đề ngày 05/11/2022 âm lịch so với chữ ký, chữ viết của Trần Minh Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết ra. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Các chữ viết “Trần mih Đức” dưới mục “Chủ vay ký tên” tại giấy cho vay tiền của ông Nguyễn Văn T đề ngày 05/11/2022 âm lịch là do ông Trần Minh Đ là bị đơn viết họ và tên mình vào mục “Chủ vay ký tên”.

Nguyên đơn đã trực tiếp nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện việc trả nợ. Vì vậy, Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Trần Minh Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu) tại giấy cho vay tiền của ông Nguyễn Văn T đề ngày 05/11/2022 âm lịch là có căn cứ.

[3] Về tiền lãi: Trong quá trình tố tụng nguyên đơn có yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất qui định. Tuy nhiên bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất xin rút một phần nội dung khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi suất cho của khoản vay nêu trên cho đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Việc xin rút một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ việc giải quyết một phần nội dung khởi kiện nêu trên.

Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có kỳ hạn, đến nay đã quá hạn và có thỏa thuận lãi nhưng nguyên đơn xin rút yêu cầu trả lãi suất. Do đó căn cứ các điều 154, 429, 357, 463, 465, 466 và điều 470 Bộ luật dân sự và điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Trần Minh Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với yêu cầu trả nợ số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu) tại giấy cho vay tiền của ông Nguyễn Văn T đề ngày 05/11/2022 Âm lịch.

[4] Về chi phí tố tụng: Do kết quả giám định chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Minh Đ dưới mục “Chủ vay ký tên” (mẫu cần giám định) trong giấy cho vay tiền của ông Nguyễn Văn T đề ngày 05/11/2022 âm lịch đã chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn phải chịu chi phí giám định và chi phí tố tụng phát sinh trong quá trình tố tụng đối với kết quả này.

Buộc bị đơn, ông Trần Minh Đ phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Tổng số tiền chi phí giám định ông Nguyễn Văn T đã thanh toán xong. Do đó ông Trần Minh Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

[5] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận nội dung khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[6] Các vấn đề khác: Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định tại các điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 161, Điều 184, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 **Điều 147, khoản 4, Điều 207, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273** Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 154, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 429 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; Các Điều 43 và khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình; **Nghị quyết 326/2016/ UBTWQH14** của Ủy ban Thường vụ Q về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Trần Minh Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu) tại giấy cho vay tiền của ông Nguyễn Văn T đề ngày 05/11/2022 Âm lịch. Buộc ông Trần Minh Đ phải chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ khoản tiền lãi suất của số tiền nợ theo yêu cầu khởi kiện ban đầu.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về chi phí giám định: Ông Trần Minh Đ phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết và phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Xác nhận ông Nguyễn Văn T đã thanh toán xong toàn bộ số tiền chi phí giám định.

- Án phí: Ông Trần Minh Đ phải chịu 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 22.725.000 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002322 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Trần Minh Đ và bà Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân h. Yên Thành;
- Chi cục THADS Yên Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Phú